UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1460 /KL-SNNPTNT	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 5 năm 2021*

KẾT LUẬN THANH TRA
Thanh tra việc sử dụng kinh phí ngân sách đặt hàng trong 02 năm 2019-2020 tại Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 25/BC-ĐTTr ngày 25/5/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định số 129/QĐ-SNNPTNT ngày 13/4/2021 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi về Thanh tra việc sử dụng kinh phí ngân sách đặt hàng trong 02 năm 2019-2020 tại Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kết luận các nội dung sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Đặc điểm tình hình của đơn vị:

Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi được thành lập theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 14/03/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất giữa hai Trung tâm là Trung tâm giống thuỷ sản Quảng Ngãi và Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Quảng Ngãi. Sau khi hợp nhất, Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi chính thức đi vào hoạt động kể từ 01/5/2016.

Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí trong năm 2016. Đến 01/01/2017 Trung tâm hoàn toàn tự đảm bảo kinh phí để cân đối hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao tại Quyết định số 401/QĐ-SNNPTNT ngày 14/6/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt đông của Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị :

a) Tổ chức bộ máy của Trung tâm:

- Tổ chức, bộ máy Trung tâm hiện gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; 02 phòng chuyên môn nghiệp vụ và 04 Trạm, trại trực thuộc; tổng số cán bộ viên chức và lao động hợp đồng đến 01/01/2021 là 39 người *(Thạc sĩ: 02 người; Đại học: 22 người, Trung cấp: 10 người, Lao động khác: 05 người)*

b) Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm: được quy định tại Quyết định số 401/QĐ-SNNPTNT ngày 14/6/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi.

II. KẾT QUẢ THANH TRA XÁC MINH

1. Về đặt hàng nghiên cứu các giống lúa mới

a) Vụ Hè thu năm 2019:

a.1. Thí nghiệm tập đoàn, chọn dòng thuần ưu tú: kinh phí: 27.874.000 đồng

- Thí nghiệm: thực hiện (TH/KH) 70/70 dòng lúa mới (kể cả giống đối chứng: HT1, ĐV108; OM9676; GS333) tại Trạm Giống Đức Hiệp; Diện tích thí nghiệm: 1.000 m2;

- Loại bỏ 35 dòng không phù hợp với điều kiện Quảng Ngãi;

- Chọn được 8 dòng triển vọng cao hơn đối chứng (ĐC): ĐH145D-15-57; ĐH471T-42; ĐH471T-35; ĐH461T-2; ĐH465-3; ĐH459-42; ĐH427-44-9; ĐH6.427-19;

- Ngoài ra còn 03 dòng cho năng suất cao: ĐH427-44-1; ĐH145Đ-15-44; ĐH145Đ-5-58 nhưng yếu cây, còn phân ly.

a.2. Thí nghiệm so sánh, đánh giá các dòng lúa có triển vọng tại Quảng Ngãi: kinh phí: 39.107.900 đồng.

- Thí nghiệm: 18 dòng lúa mới (kể cả giống đối chứng: HT1, KDđb) tại Trạm Giống Đức Hiệp; Diện tích thí nghiệm: 2.000 m2.

- Chọn được 5 dòng lúa cho năng suất cao hơn ĐC, phẩm chất gạo tốt, phù hợp điều kiện Quảng Ngãi gồm: ĐH471T-25, ĐH427T-44, ĐH471-8, ĐH459-42, ĐH427-19.

- Ngoài ra có 5 dòng cho năng suất khá nhưng còn nhiều nhược điểm.

a.3. Thí nghiệm so sánh các dòng lúa có triển vọng nhất tại các vùng sinh thái Quảng Ngãi: Kinh phí: 18.458.100 đồng

- Địa điểm: Thực hiện tại xã Phổ Văn: 3.000 m2; xã Tịnh Thọ: 3.000 m2.

- Thí nghiệm: 3 dòng lúa mới và 01 giống đối chứng (HT1)

- Kết quả:

+ Tại xã Phổ Văn: các dòng lúa thí nghiệm có nhiều đặc tính tốt, năng suất tương đương và cao hơn ĐC nhưng dòng ĐH427-44 cho năng suất cao hơn ĐC: 6 tạ/ha.

+ Tại xã Tịnh Thọ: có 2 dòng tương đương ĐC, riêng dòng ĐH427-44 cao hơn ĐC 2,2 tạ /ha.

b) Vụ Hè Thu năm 2020:

b.1. Thí nghiệm duy trì, sản xuất giống bố mẹ và lai tạo các tổ hợp lai lúa thuần tạo nguồn vật liệu khởi đầu phục vụ chọn tạo giống mới: kinh phí: 5.249.000 đồng

- Thực hiện tại Trạm giống Đức Hiệp; Diện tích thí nghiệm: 330 m2;

- Thí nghiệm lai tạo tổ hợp lai F1 39/25 so kế hoạch, duy trì và bảo tồn 53 giống/ kế hoạch 50 - 60 giống.

b.2. Thí nghiệm chọn lọc các dòng phân ly qua các thế hệ F2-F8: kinh phí: 46.350.000 đồng:

- Thực hiện tại Trạm giống Đức Hiệp.
- Kết quả thí nghiệm:

+ Thanh lọc được 29/50 (kế hoạch) tổ hợp lai lúa thuần hệ F2-F8.

+ Chọn lọc 250/200-250 dòng thế hệ F5-F8 có đặc điểm nông học tốt.

+ Xác định 41/40 -50 dòng lúa triển vọng.

- Diện tích thí nghiệm: 2.000 m2.

b.3. Thí nghiệm tập đoàn, chọn dòng ưu tú: Kinh phí: 29.177.000 đồng.

- Thực hiện tại Trạm giống Đức Hiệp; Diện tích thí nghiệm: 1.000 m2.
- Yếu tố thí nghiệm: 70 dòng tham gia thí nghiệm.
- Kết qủa: loại bỏ 32 dòng không phù hợp, có nhận xét đánh giá 38 dòng, đề nghị 14 dòng có nhiều ưu việc vào nghiên cứu tiếp theo.

2. Về đặt hàng sản xuất giống và thả tái tạo nguồn lợi thủy sản

2.1. Về trình tự, thủ tục triển khai thực hiện:

- **Năm 2019**: Trên cơ sở Tờ trình số 50/TTr-TTG ngày 27/3/2019 của Trung Tâm Giống về việc xin phê duyệt Kế hoạch sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản; Ý kiến của Chi cục Thủy sản tại công văn số 170/CCTS ngày 27/3/2019; Ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1006/STC-HCSN ngày 18/4/2019 và đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở, Giám đốc sở Ban hành Quyết định số 225/QĐ-SNNPTNT ngày 17/5/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản, Quyết định số 224/QĐ-SNNPTNT ngày 17/5/2019 về việc đặt hàng sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2019; Hợp đồng đặt hàng số 01/HĐ-SNNPTNT ký kết ngày 28/5/2019 giữa Sở Nông Nghiệp và PTNT Quảng Ngãi với Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi về sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- **Năm 2020**: Trên cơ sở Tờ trình số 04/TTr-TTG ngày 07/01/2020 của Trung Tâm Giống về việc xin phê duyệt Kế hoạch sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản; Ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 140/STC-HCSN ngày 17/01/2020 và đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở, Giám đốc sở ban hành Quyết định số 58/QĐ-SNNPTNT ngày 22/01/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2020, Quyết định số 59/QĐ-SNNPTNT ngày 22/01/2020 về việc đặt hàng sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2020; Hợp đồng đặt hàng số 05/HĐ-SNNPTNT ký kết ngày 12/02/2020 giữa Sở Nông Nghiệp và PTNT Quảng Ngãi với Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi về sản xuất giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Về kết quả thực hiện thả tái tạo nguồn lợi thủy sản:

TT	Đối tượng	Số lượng (con)	Địa điểm thả giống tại các huyện/thị xã/TP						
			Đức phổ	T.P Q.Ngãi	Bình Sơn	Sơn Tịnh	Trà Bồng	Nghĩa Hành	Sơn Tây
I	**NĂM 2019**	**1.710.000**	**0**	**0**	**1.600.000**	**22.000**	**71.000**	**17.000**	**0**
1	Tôm sú	1.600.000	-	-	1.600.000	-	-	-	-
2	Cá Lăng Nha	10.000	-	-	-	2.000	6.000	2.000	-
3	Cá Trắm cỏ	30.000	-	-	-	5.000	21.000	4.000	-
4	Cá Trôi	30.000	-	-	-	5000	21.000	4.000	-
5	Cá Mè	20.000	-	-	-	4.000	13.000	3.000	-
6	Cá Chép	20.000	-	-	-	6.000	10.000	4.000	-
II	**NĂM 2020**	**1.530.000**	**76.000**	**1.400.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**54.000**
1	Tôm sú	1.400.000	-	1.400.000	-	-	-	-	-
2	Cá Thát Lát	10.000	5.000	-	-	-	-	-	5.000
3	Cá Trắm cỏ	20.000	12.000	-	-	-	-	-	8.000
4	Cá Trôi	60.000	35.000	-	-	-	-	-	25.000
5	Cá Mè Trắng	20.000	12.000	-	-	-	-	-	8.000
6	Cá Chép	20.000	12.000	-	-	-	-	-	8.000
	TỔNG CỘNG	**3.240.000**	**76.000**	**1.400.000**	**1.600.000**	**22.000**	**71.000**	**17.000**	**54.000**

3. Đặt hàng sản xuất con giống Hải Sâm và Ốc Hương; nuôi thử nghiệm Hải sâm ghép với Ốc Hương thương phẩm

3.1. Về sản xuất giống Ốc Hương, Hải Sâm:

- Năm 2018 – 2019: Sau khi được UBND tỉnh Phê duyệt Phương án tại Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 và Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án; Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký Hợp đồng số 13/HĐ-SNNPTNT ngày 05/11/2018 với Trung tâm giống Quảng Ngãi về việc sản xuất giống Hải sâm, Ốc Hương năm 2018.

- Năm 2020: Sau khi được UBND tỉnh giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và chi ngân sách địa phương năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký Hợp đồng số 02/HĐ-SNNPTNT ngày 12/02/2020 với Trung tâm giống Quảng Ngãi về việc sản xuất giống Hải sâm, Ốc Hương năm 2020, nhằm lấy nguồn giống phục vụ mô hình nuôi Hải sâm ghép với Ốc Hương thương phẩm, kết quả như sau:

TT	Tên Mô hình	Số hợp đồng	Số phương án thực hiện	Số lượng con giống (con)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đóng góp của dân (đồng)
1	Đặt hàng về sản xuất Ốc Hương năm 2018 -2019	13/HĐ-SNNPTNT ngày 05/11/2018	255/PA-TTG	2.310.000	693.000.000	0
2	Đặt hàng về sản xuất Hải Sâm năm 2018 - 2019	13/HĐ-SNNPTNT ngày 05/11/2018	255/PA-TTG	28.250	282.500.000	0
3	Đặt hàng về sản xuất Ốc Hương năm 2020	02/HĐ-SNNPTNT ngày 12/02/2020	08/KH-TTG ngày 7/01/2020	3.150.000	630.000.000	220.500.000
4	Đặt hàng về sản xuất Hải Sâm năm 2020	02/HĐ-SNNPTNT ngày 12/02/2020	08/KH-TTG ngày 7/01/2020	10.500	105.000.000	
TỔNG CỘNG				**5.488.250**	**1.710.500.000**	**220.500.000**

3.2. Nuôi thử nghiệm Hải Sâm ghép với Ốc Hương

- Năm 2018 – 2019: Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký Hợp đồng số 12/HĐ-SNNPTNT ngày 5/11/2018 với Trung tâm giống Quảng Ngãi về thực hiện mô hình nuôi thử nghiệm Hải sâm ghép Ốc Hương.

- Năm 2020: Sau khi được UBND tỉnh Phê duyệt Phương án tại Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 và UBND tỉnh giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và chi ngân sách địa phương năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ký Hợp đồng số 04/HĐ-SNNPTNT ngày 12/02/2020 với Trung tâm giống Quảng Ngãi về thực hiện mô hình nuôi thử nghiệm Hải sâm ghép Ốc hương thương phẩm.

Kết quả thực hiện như sau:

TT	Tên hộ thực hiện mô hình nuôi ốc hương, Hải sâm từ năm 2018 - 2020	Diện tích (m^2)	Kinh phí hỗ trợ			Số tiền của dân *(giống, thức ăn)* (1.000 đ)	Tỷ lệ sống (%)	Hiệu quả mô hình *(1.000đ)*
			Hỗ trợ giống, thức ăn, thuốc (1.000đ)	Phí triển khai (1.000đ)	Kiểm tra, giám sát (1.000 đ)			
I	**Năm 2018 - 2019**							
1	Trần Thị Cẩm Viên	2.200	268.810	25.800	123.933	155.180	ốc: 82% HS: 82%	127.990
2	Trần Như Mẫn	2.200	268.810			155.180	ốc: 80% HS: 80%	114.680
3	Nguyễn Đình Thiệu	2.200	268.810			155.180	ốc: 80%	114.680

							HS: 80%	
4	Huỳnh Nhân	2.200	268.810			155.180	ốc: 85% HS: 85%	278.855
5	Phạm Mỹ Hương	2.200	268.810			155.180	ốc: 82% HS: 85%	129.475
	Tổng cộng	**11.000**	**1.344.050**	**25.800**	**123.933**	**775.900**		**765.680**
II	**Năm 2020**							
1	Phạm Bông	2.000	201.180	31.800	178.260	121.220	ốc: 92% HS: 92%	295.840
2	Phan Thanh Thức	2.000	201.180			121.220	ốc: 90% HS: 92%	334.990
3	Lê Văn Đồng	2.000	201.180			121.220	ốc: 86% HS: 90%	283.780
4	Nguyễn Văn	2.000	201.180			121.220	ốc: 88% HS: 92%	311.662
5	Nguyễn Văn Thanh	2.000	201.180			121.220	ốc: 88% HS: 88%	295.840
6	Đỗ Văn Dinh	2.000	201.180			121.220	ốc: 88% HS: 90%	320.500
7	Dương Ngọc Đức	2.000	201.180			121.220	ốc: 86% HS: 88%	285.206
	Tổng cộng		**1.408.260**	**31.800**	**178.260**	**848.540**		**2.127.818**

4. Về đặt hàng sản xuất giống cá Bớp, cá Bè Vẩu; Thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020

4.1. Thực hiện đặt hàng sản xuất giống cá Bớp và cá Bè Vẩu:

- Thực hiện Quyết định số 60/QĐ-SNNPTNT ngày 22/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi về việc đặt hàng sản xuất giống cá Bớp, cá Bè vẩu để thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020; Hợp đồng số 01/HĐ-SNNPTNT ngày 12/2/2020 được ký kết giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi về sản xuất giống cá Bớp và cá Bè vẩu.

- Kết quả thực hiện sản xuất cá giống cung cấp cho từng hộ:

TT	Đối tượng sản xuất con giống	Số lượng (con)	Giao nhận con giống/hộ	Quy cỡ con giống	Mật độ thả giống
1	Cá Bớp	15.000	1.500/hộ	13-15cm/con	08 con/m^3
2	Cá Bè vẩu	25.000	2.500/hộ	4-5cm/con	25 con/m^3
	Tổng cộng	**40.000**			

4.2. Thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020

-Thực hiện Hợp đồng số 03/HĐ-SNNPTNT ngày 12/2/2020 đã ký giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020.

- Thời gian thực hiện: Thả cá giống: ngày 31/3/2020 và ngày kết thúc thực hiện mô hình: 26/11/2020

- Kết quả thực hiện mô hình:

TT	Tên hộ thực hiện mô hình	Lượng giống thả nuôi ban đầu		Chỉ tiêu mô hình				Kết quả thực hiện mô hình			
		Cá Bớp (con)	Cá Bè vẩu (con)	Thời gian nuôi (Tháng)	Tỷ lệ sống (%)	Quy cỡ thu hoạch (kg/con)		Thời gian nuôi (tháng)	Tỷ lệ sống (%)	Quy cỡ thu hoạch (kg/con)	
						Cá Bớp	Cá Bè vẩu			Cá Bớp	Cá Bè vẩu
1	Huỳnh Ngọc Thảo	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	80	4.2	0.8
2	Lê Hữu Phúc	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	80	4.3	0.8
3	Nguyễn thế Vinh	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	62.5	4.2	0.8
4	Bùi Anh Hùng	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	45	4.1	0.8
5	Nguyễn Văn Nam	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	82.5	4.2	0.8
6	Nguyễn tiến	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	65	4.0	0.8
7	Nguyễn Lanh	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	60	4.1	0.8
8	Đặng Văn thành	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	60	4.0	0.8
9	Lê truyền	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	80	4.1	0.8
10	Phan Duy Quang	1.500	2.500	08	70	04	0.7	7th26 ngày	80	4.1	0.8
	Cộng:	**15.000**	**25.000**	**08**	**70**	**04**	**0.7**	7th26 ngày	**63**	**4.1**	**0.8**

III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG THANH TRA

1. Về đặt hàng nghiên cứu các giống lúa mới

** Về ưu điểm:*

- Căn cứ pháp lý và trình tự thủ tục thực hiện kế hoạch đặt hàng nghiên cứu các giống lúa mới năm 2019 - 2020 đúng quy định.

- Các nội dung đặt hàng thực hiện đầy đủ, có báo cáo kỹ thuật và số liệu theo dõi thí nghiệm kèm theo.

- Có biên bản kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng và hồ sơ thanh quyết toán.

** Về khuyết điểm:*

- Các Quyết định và Hợp đồng đặt hàng của Sở Nông nghiệp và PTNT không quy định giao sản phẩm đặt hàng cho tổ chức, cá nhân nào quản lý và sử dụng là chưa chặt chẽ.

- Đề cương thí nghiệm tập đoàn, chọn dòng thuần ưu tú vụ Hè Thu năm 2019 được phê duyệt có 02 giống ĐC là HT1 và KDđb nhưng khi thực hiện dùng 04 giống ĐC: HT1, OM9676, GS333, ĐV108 (không dùng KDđb) là chưa đúng theo đề cương thí nghiệm được duyệt. *Theo giải trình của Trung tâm là do giống đối chứng KDđb không có trong cơ cấu giống của vụ Hè Thu năm 2019*.

- Thí nghiệm so sánh đánh giá các dòng lúa có triển vọng nhất tại các vùng sinh thái tỉnh Quảng Ngãi chưa đạt mục đích của kế hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 212/QĐ-SNNPTNT ngày 9/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT (xác định 02 dòng ưu tú nhất để tham gia khảo nghiệm quốc gia) nhưng thực tế 03 dòng lúa thí nghiệm có năng suất bình quân không vượt giống đối chứng trên 10% (theo Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). *Theo giải trình của Trung tâm, thực tế các giống lúa thí nghiệm theo hướng giống có chất lượng gạo tốt thì năng suất khó vượt hơn 10% so giống lúa đối chứng (ĐC), đồng thời là thí nghiệm nên có thể thành công, có thể chưa thành công như mong muốn;*

- Thí nghiệm chọn lọc các thế hệ phân ly (thế hệ F2 – thế hệ F8) vụ Hè Thu năm 2020 chưa đạt mục đích của Kế hoạch phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-SNNPTNT ngày 9/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT, chỉ thực hiện thanh lọc được 39/50 (đạt 78%) Kế hoạch tổ hợp lai lúa thuần F2 – F6;

- Việc Trung tâm Giống áp dụng Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh để tính chi phí công kỹ thuật trong các thí nghiệm **là** chưa hợp lý. Vì Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh áp dụng cho việc thực hiện các đề tài Khoa học - Công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở (Chủ nhiệm, thành viên...). *Theo giải trình của Trung tâm Giống là trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết, Trung tâm đã tìm hiểu tất cả các văn bản để làm cơ sở xây dựng dự toán tiền công lao động kỹ thuật trực tiếp thực hiện các nội dung thí thực nghiệm nhưng không tìm thấy văn bản nào để có thể áp dụng phù hợp hơn trong trường hợp này, nên đơn vị áp dụng Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi để tính chi phí công kỹ thuật trực tiếp thực hiện các thí nghiệm tại phụ lục 1b – Dự toán chi tiết – Thí nghiệm Tập đoàn chọn dòng thuần ưu tú, đồng thời nghiên cứu thí nghiệm giống lúa mới cũng mang tính chất như thực hiện nhiệm vụ Khoa học Công nghệ (cấp cơ sở) nên áp dụng Quyết định trên là phù hợp nhất.*

2. Về đặt hàng sản xuất giống và thả tái tạo nguồn lợi thủy sản

** Về ưu điểm:*

- Đơn vị đã có nhiều cố gắn trong việc sản xuất, ương nuôi các loài thủy hải sản, góp phần tái tạo và phát triển nguồn lợi Thủy sản, tạo cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học ở các sông, hồ và vùng biển ven bờ trên địa bàn tỉnh.

- Về trình tự triển khai thực hiện thì cơ bản đáp ứng theo các văn bản chỉ đạo của tỉnh và Sở.

** Về khuyết điểm:*

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch số 225/QĐ-SNNPTNT ngày 17/5/2019, Quyết định phê duyệt đặt hàng số 224/QĐ-SNNPTNT ngày 17/5/2019 là chưa đúng về trình tự cho số thứ tự văn bản. Vì Quyết định đặt hàng lại có số thứ tự trước số Quyết định phê duyệt kế hoạch.

- Khi lập dự toán tính chi phí sản xuất các loại cá giống để trình sở phê duyệt, chưa có báo giá của nhà cung cấp hàng hóa hay chưa có chứng thư thẩm định giá của cơ quan có chức năng thẩm định giá là thiếu căn cứ.

- Các phòng chuyên môn của Sở trước khi tham mưu, trình Giám đốc Sở phê duyệt Kế hoạch sản xuất và Quyết định đặt hàng thì ngoài ý kiến của sở Tài chính về nguồn kinh phí, tổng kinh phí thì ý kiến thẩm định các định mức kinh tế kỹ thuật của Chi cục Quản lý chuyên ngành (Chi cục Thủy sản) là rất quan trọng. Vì định mức KTKT sẽ liên quan đến giá thành sản phẩm để sở đặt hàng. Tuy nhiên, năm 2019 Chi cục Thủy sản có văn bản góp ý tại Công văn số 170/CCTS ngày 27/3/2019, nhưng nội dung Công văn không đề cập đến các định mức KTKT; năm 2020 Chi cục Thủy sản không có văn bản về nội dung này, nhưng phòng chuyên môn của sở vẫn tham mưu trình Giám đốc sở phê duyệt dự toán là chưa chặt chẽ.

- Trung tâm áp dụng định mức KTKT để lập các dự toán sản xuất cá giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2019 - 2020 trình Sở phê duyệt với kích cỡ cá giống lớn hơn định mức KTKT ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT là chưa phù hợp. *Theo giải trình của Trung tâm là theo Hợp đồng đặt hàng và con giống thả tái tạo nguồn lợi thủy sản ra môi trường tự nhiên, chịu nhiều tác động của môi trường nên cần con giống có kích cỡ lớn để đảm bảo tỉ lệ sống cao ngoài môi trường thả tái tạo.*

Ngoài ra Trung tâm còn áp dụng định mức KTKT do Trung tâm ban hành (đối với một số loài thủy hải sản mới chưa được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành định mức) là chưa đảm bảo tính pháp lý để làm cơ sở thanh quyết toán từ nguồn vốn ngân sách cấp.

3. Đặt hàng sản xuất giống Hải Sâm và Ốc Hương; Nuôi thử nghiệm Hải sâm ghép với Ốc Hương thương phẩm

3.1. Về sản xuất giống ốc hương, Hải Sâm

** Về ưu điểm*:

- Sở Nông Nghiệp và PTNT đã thực hiện đặt hàng về sản xuất giống đúng theo quy định Phụ lục 1 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của

Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Việc sử dụng kinh phí thực hiện mô hình sản xuất giống thực hiện đúng dự toán được duyệt.

- Trình tự, thủ tục thực hiện Phương án tuân thủ theo quy định tại Điều 25 của Nghị định 83/2018 /NĐ-CP ngày 24/12/2018 về Khuyến nông.

** Về khuyết điểm:*

- Khi nhập con giống để ươm nuôi, không có giấy kiểm dịch Ốc Hương và Hải Sâm là chưa phù hợp với quy định tại Điều 3 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Trung tâm mua giống Ốc Hương năm 2020 và giống Hải Sâm năm 2018 có giá trị trên 200 triệu đồng, nhưng tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung ứng con giống theo hình thức chỉ định thầu là chưa phù hợp với quy định tại Điều 57, Điều 58, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Điểm d, Khoản 1, Điều 1 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

3.2. Nuôi thử nghiệm Hải Sâm ghép với Ốc Hương

** Về ưu điểm:*

- Mô hình nuôi Hải Sâm ghép với Ốc Hương thương phẩm đã đem lại hiệu quả cho người nuôi, tỷ lệ sống của Ốc Hương và Hải Sâm đạt và vượt so với phương án xây dựng.

- Mô hình đã mang lại kết quả hết sức thiết thực thu hút được nhiều hộ tham gia.

- Trình tự, thủ tục thực hiện Phương án tuân thủ theo quy định tại Điều 25 của Nghị định 83/2018 /NĐ-CP ngày 24/12/2018 về Khuyến nông.

- Định mức của mô hình về hỗ trợ con giống, thức ăn, thuốc hóa chất thực hiện đúng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018 /NĐ-CP ngày 24/12/2018 về Khuyến nông.

** Về khuyết điểm:*

- Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn mô hình chỉ có báo cáo và nhật ký theo dõi tình hình sử dụng thức ăn; thiếu nhật ký theo dõi mô hình.

- Thực hiện hỗ trợ cấp thuốc phòng, trị bệnh cho hộ thực hiện mô hình nhưng các hộ không thể hiện nhật ký việc sử dụng thuốc phòng, trị bệnh cho thủy sản nuôi.

4. Về đặt hàng sản xuất giống cá Bớp và cá Bè Vẩu; Thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020.

4.1. Thực hiện đặt hàng sản xuất giống cá Bớp và cá Bè Vẩu:

** Về ưu điểm:*

- Công tác tiếp nhận đặt hàng và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo hợp đồng và dự toán được phê duyệt.

** Về khuyết điểm:*

- Hợp đồng số 01/HĐ-SNNPTNT ngày 12/02/2020 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu về quy cỡ con giống cá Bớp: 13-15cm/con là không đúng định mức kỹ thuật theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư quy định về quy cỡ con giống cá Bớp phải $\geq$ 18cm/con.

- Trung tâm ký hợp đồng mua 15.000 con giống cá Bớp với tổng giá trị 255.000.000 đồng và 25.000 con giống cá Bè Vẩu với tổng giá trị 375.000.000 đồng nhưng tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung ứng con giống theo hình thức chỉ định thầu là chưa phù hợp với quy định tại Điều 57, Điều 58, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Điểm d, Khoản 1, Điều 1 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

- Khi nhập con giống để ươm nuôi, không có giấy kiểm dịch giống cá Bớp, cá Bè Vẩu khi mua giống nhập tỉnh là chưa phù hợp với quy định tại Điều 3 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

4.2. Thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại địa bàn huyện Lý Sơn năm 2020

** Về ưu điểm:*

- Quá trình chọn hộ triển khai mô hình trên địa bàn huyện Lý Sơn đúng quy định, đúng mục đích và yêu cầu, chọn điểm triển khai mô hình xuất phát từ yêu cầu thực tế của địa phương, được công khai và thống nhất của các hộ nông dân và chính quyền địa phương

- Công tác triển khai thực hiện các mô hình đảm bảo đúng quy định và quy trình kỹ thuật, có phân công cán bộ chuyên môn phụ trách theo dõi và trực tiếp hướng dẫn chỉ đạo mô hình, trong quá trình thực hiện các mô hình đều được kiểm tra, nghiệm thu, tổ chức tập huấn, hội nghị tổng kết nhằm rút kinh nghiệm và nhân rộng.

- Mô hình nhìn chung có hiệu quả, được sự đồng tình ủng hộ của bà con nông dân và chính quyền địa phương; mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế.

- Qua kiểm tra thực tế tại 04 hộ nuôi cá Bớp và cá Bè Vẫu: các hộ nuôi được cấp đủ số lượng cá như phương án đã được duyệt và đàn cá có tỉ lệ nuôi sống từ 60 – 85% (tùy từng hộ).

** Về khuyết điểm:*

Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn mô hình chỉ có báo cáo và nhật ký theo dõi tình hình sử dụng thức ăn; không có nhật ký theo dõi mô hình.

IV. TRÁCH NHIỆM:

1. Về trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị để xảy ra các khuyết điểm đã nêu trên: trách nhiệm trước hết thuộc về người đứng đầu đơn vị là Giám đốc Trung tâm và Phó Giám đốc phụ trách Thủy sản.

2. Về trách nhiệm cụ thể:

Những thiếu sót trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành về lĩnh vực Trồng trọt thuộc về Giám đốc Trung tâm; lĩnh vực Thủy sản thuộc về Phó Giám đốc chỉ đạo, theo dõi lĩnh vực Thủy sản; các Trưởng phòng, Trạm, Trại và viên chức được giao theo dõi thực hiện nhiệm vụ.

V. KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị:

a) Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ Sở tham mưu cho Giám đốc Sở tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với Giám đốc và Phó Giám đốc phụ trách Thủy sản về thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

- Ban hành văn bản chỉ đạo các Chi cục Quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc sở tăng cường trách nhiệm trong việc tham mưu, nhất là các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành do cơ quan, đơn vị mình quản lý; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về tính chính xác trong công tác tham mưu, tránh tư tưởng đùn đẩy trách nhiệm cho sở trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

- Xem xét trình UBND tỉnh đặt hàng nghiên cứu để tạo ra giống lúa mới được Nhà nước công nhận có năng suất, chất lượng,... vượt trội hơn giống đang sản xuất đại trà và phù hợp điều kiện của tỉnh Quảng Ngãi. Bản quyền của giống thuộc UBND tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và PTNT, có chính sách rõ ràng để người nông dân hưởng lợi từ sản phẩm đặt hàng. Không đặt hàng nghiên cứu theo hướng làm thí thực nghiệm về giống lúa mới vì đây là chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của Trung tâm Giống.

b) Đối với Phòng KHTC Sở:

- Khi cần tham vấn ý kiến chuyên môn từ các Chi cục quản lý chuyên ngành, nhất là về các định mức KTKT, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,... để làm cơ sở thẩm tra, thẩm định, tham mưu trình Lãnh đạo Sở xem xét quyết định thì phải yêu cầu rõ từng nội dung cần tham mưu và kiểm tra kỹ về tính chính xác nội dung do các cơ quan, đơn vị thuộc sở tư vấn tham mưu.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất công tác đặt hàng sản xuất giống lúa mới; thủy hải sản mới,...phải mang tính liên tục để tạo ra được sản phẩm là giống cây, con mới có năng suất, chất lượng vượt trội nhằm phục vụ lâu dài cho sự phát triển của ngành, sản phẩm đặt hàng phải giao cho tổ chức đơn vị quản lý, có chính sách để người dân thụ hưởng sản phẩm đặt hàng.

c) Đối với Văn phòng Sở:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu cũng như trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Sở giao;

- Kế toán Văn phòng cần rà soát kiểm tra chứng từ của đơn vị được đặt hàng trước khi tham mưu cho Sở thanh lý hợp đồng với đơn vị đặt hàng.

b) Đối với Trung tâm Giống Quảng Ngãi:

- Tổ chức kiểm điểm những tập thể, cá nhân có liên quan, rút kinh nghiệm và có biện pháp chấn chỉnh, chấm dứt ngay những khuyết điểm, tồn tại đã nêu.

2. Biện pháp xử lý:

a) Xử lý về trách nhiệm:

Yêu cầu Giám đốc Trung tâm Giống tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm về những khuyết điểm đã nêu trong Kết luận, có biện pháp cụ thể để khắc phục từng hạn chế, khuyết điểm. Thời gian hoàn thành việc kiểm điểm là 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận.

b) Xử lý về kinh tế: Không.

Yêu cầu Giám đốc Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi nghiêm túc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra; tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại Trung tâm trong 15 ngày liên tục. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận này phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận cho Giám đốc Sở *(có cung cấp các hồ sơ chứng minh kèm theo)*, đồng thời gởi Thanh tra Sở để theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thanh tra tỉnh;
- GĐ, PGĐ Sở (A. Phương);
- Chánh Thanh tra Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Trung tâm Giống Quảng Ngãi;
- Các Phòng Sở: TCCB, KHTC;
- Các Chi cục thuộc sở;
- Lưu: HSTTr.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Dương Văn Tô